

Bản án số: **109/2025/HSST**

Ngày: 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tô Thanh Tú**

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Lý Anh

2. Bà

Đỗ Thị Hải Đường

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Quang Huy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 799/2024/HSST ngày 29/11/2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Xuân N, sinh năm 1960; Con bà: Vũ Thị T1, sinh năm 1962; Gia đình có 03 con, bị cáo là con thứ 3; Vợ bị cáo là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991; bị cáo có 02 con là Trần Nhật B, sinh năm 2016, Trần Tâm A, sinh năm 2017; D chỉ bản số 333 ngày 05/7/2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/7/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phạm Thị H, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H – Có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại: Ông Nguyễn Công Q, sinh năm 1982

Trú tại: Khu tập thể C, phường T, quận H, thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thì vụ án có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Công Q (có lý lịch nêu trên) có nhu cầu mua bất động sản của dự án Vinhomes O - The Emprise của chủ đầu tư V1 (địa chỉ: xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên). Khoảng tháng 5/2022, thông qua mối quan hệ xã hội, ông Q được giới thiệu đến gặp Trần Văn T – nhân viên môi giới bất động sản của Công ty Cổ phần B2 (địa chỉ: Số A ngõ A phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội) để thuê môi giới mua

bất động sản của dự án trên. Ông Q, T thỏa thuận và lập Vi bằng số 734/2022/VB-TPLHBT đề ngày 06/5/2022 do ông Phạm Quách V (sinh năm: 1973, HKTT: số D phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội) là Thừa phát lại thuộc Văn phòng T5 lập, thể hiện nội dung: T nhận 500.000.000 đồng đặt cọc của ông Q để môi giới mua căn hộ S1 01 có diện tích đất là 180m², cam kết sau 1 tháng kể từ ngày 06/5/2022, T sẽ mua được căn hộ cho ông Q. Cùng ngày 06/5/2022, ông Q chuyển khoản cho T 02 lần tổng số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng T6 số 11122158651017 của ông Q đến tài khoản Ngân hàng V2 số 0141000834576 của T. Do quen biết và đã từng giao dịch mua bán bất động sản với ông Trần Hoàng A1 (sinh năm 1987; Nơi thường trú: Số A, ngách A ngõ A phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội) nên sau khi nhận được tiền của ông Q, T thỏa thuận với Hoàng A1 nhờ tìm mua căn hộ Đại Lộ N 01 cho ông Q theo cam kết ở trên. T chuyển khoản cho Hoàng A1 số tiền 500.000.000 đồng (lần 1: 450.000.000 đồng; lần 2: 50.000.000 đồng) đến tài khoản M số 113366688888 của ông Trần Hoàng A1. Ngoài ra, T còn chuyển nhiều khoản tiền khác cho ông Hoàng A1 để nhờ môi giới mua các căn hộ khác cho T. Do ông Hoàng A1 không mua được căn hộ Shophouse Đại lộ Ngọc T3 01 cho T, T yêu cầu trả lại tiền đặt cọc, nên từ ngày 22/7/2022 đến ngày 17/8/2022, ông Hoàng A1 đã chuyển trả lại cho T số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận lại tiền từ ông Hoàng A1, do nợ nần không có khả năng trả nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng thông qua việc sử dụng toàn bộ số tiền này để trả các khoản nợ cho một số cá nhân. Cụ thể: ngày 22/7/2022 và 17/8/2022, trả nợ cho ông Trần Trung S (sinh năm: 1985; Nơi thường trú: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình) - là anh trai của T; ông Phạm Văn H1 (Sinh năm: 1984; Nơi thường trú: Xóm E, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định) - là Giám đốc Công ty T7; ông Nguyễn Văn C (Sinh năm: 1990; Nơi thường trú: Thôn A xã V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh) - là bạn xã hội của T. Đồng thời, T cũng không báo lại cho ông Q biết việc T đã nhận lại tiền cọc từ ông Trần Hoàng A1 và không mua được căn hộ Đại lộ Ngọc T3 01 như cam kết với ông Q mà tiếp tục hứa hẹn sẽ liên hệ để mua được căn hộ Đại lộ N 01 cho ông Q. Sau nhiều lần liên lạc yêu cầu T thực hiện cam kết mua căn hộ như trên hoặc trả lại tiền cọc và phạt cọc cho ông Q nhưng T không trả lại được nên ngày 31/8/2022, ông Nguyễn Công Q đã gửi đơn đến Cơ quan điều tra tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của Trần Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số 24/KL-KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng K - Công an tp. H kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trần Văn T dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định (A1, A2) với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn T trên các mẫu so sánh (M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Sao kê tài khoản ngân hàng V2 số 0141000834576, tài khoản Ngân hàng T6 số 11122158651017, tài khoản M số 113366688888 của Trần Văn T, ông Nguyễn Công Q, ông Trần Hoàng A1 thể hiện giao dịch của các bên như trên. Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T, ông Nguyễn Công Q cùng những người liên quan khai phù hợp với nội dung vụ án như trên.

Về dân sự: Từ ngày 28/6/2023 đến ngày 29/7/2024, Trần Văn T và ông Trần Trung S (anh trai T) đã khắc phục cho ông Nguyễn Công Q toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng. Ông Q không yêu cầu trả tiền phạt cọc, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt đối với T.

Tại cáo trạng số **762/CT-VKSHN-P3** ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo: **Trần Văn T** về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 4 điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội cũng như vai trò của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 điều 175; điểm s, b khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt: Trần Văn T từ 06 đến 07 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về dân sự không xét do người bị hại không có yêu cầu.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố về tội danh cũng như về khung hình phạt, tuy nhiên chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của người bị hại, người bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ; gia đình bị cáo có người có công với Cách mạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và xử mức hình phạt dưới khung cho bị cáo.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có bị cáo nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/5/2022, do có nhu cầu mua căn hộ Shophouse Đại Lộ N 01 tại Dự án V3 (địa chỉ: xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên), ông Nguyễn Công Q đã chuyển cho Trần Văn T số tiền 500.000.000 đồng đặt cọc để T môi giới mua căn hộ cho ông Q, thỏa thuận sau một

tháng sẽ thực hiện được việc mua bán căn hộ cho ông Q. Nhận được tiền, T đã thực hiện việc chuyển tiền đặt cọc mua căn hộ trên cho ông Trần Hoàng A1. Tuy nhiên, ông Trần Hoàng A1 không mua được căn hộ Đại Lộ N 01 nên vào các ngày 22/7/2022, 17/8/2022 đã chuyển trả lại T số tiền 500.000.000 đồng nhưng sau đó T không trả lại tiền cho ông Q mà sử dụng trả các khoản nợ cá nhân, không thực hiện việc mua căn hộ cho ông Q như cam kết và không có khả năng trả lại ông Q. Sau khi ông Q làm đơn tố giác tại cơ quan công an, từ ngày 28/6/2023 đến ngày 29/7/2024, T và gia đình đã khắc phục trả lại ông Q toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo và gia đình đã khắc phục, trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bác ruột (anh trai của bố bị cáo) là Liệt sỹ Trần Quang T4 theo Quyết định số 303/TTGA ngày 25/7/1972; bác ruột của vợ bị cáo là Liệt sỹ Trương Văn B1. Ông ngoại của vợ bị cáo là ông Trần Văn L được tặng Kỷ niệm chương Chiến sỹ quyết tử liên khu I Trung đoàn Thủ đô. Bà ngoại vợ của bị cáo là bà Phạm Thị C1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xem xét áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt bị cáo bị truy tố cũng có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 4 điều 175; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 ; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Trần Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/7/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Cục THADS TP Hà Nội.
- Trại tạm giam số 02- CATP Hà Nội.
- Bị cáo.
- Người BH
- UBND x. Quốc Tuấn, h. Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú